

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-PT
Ngày 05-01- 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Ông Lương Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2017/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2365/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1948; địa chỉ: T4, xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị K (tên gọi khác: Lê Thị H), sinh năm 1973; địa chỉ: T5, xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*

1. Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1941; địa chỉ: T4, xã LKh, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1948; địa chỉ: T4, xã LKh, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1969. Địa chỉ: Cụm 3, tổ dân phố H, thị trấn CH, huyện CH, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:*
Năm 2008, 2009 bà Nguyễn Thị N đã cho vợ chồng bà Lê Thị K, ông Nguyễn Đình C vay 05 cây vàng 99,99 (vàng Bác Mật) là tài sản chung của bà và chồng là ông Đỗ Văn M để làm ăn, cụ thể như sau:

- Ngày 25 tháng 9 năm 2008, bà đưa cho bà K vay 03 cây vàng;
- Ngày 29 tháng 12 năm 2008 bà đưa cho ông C vay 01 cây vàng;
- Ngày 28 tháng 5 năm 2009 bà đưa cho ông C vay 01 cây vàng.

Các lần vay đều có giấy biên nhận, lãi suất theo thỏa thuận, không ghi thời hạn trả nợ.

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* Sau khi vay đến vào ngày 05 tháng 6 năm 2010 bà Lê Thị K và ông Nguyễn Đình C đã trả nợ cho bà 02 cây vàng và trả 05 tháng tiền lãi là 2.500.000 đồng. Nay, bà khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị K phải trả cho bà 03 cây vàng, không yêu cầu thanh toán tiền lãi.

** Bị đơn là bà Lê Thị K trình bày:* Bà thừa nhận có vay vàng của bà Nguyễn Thị N, nhưng chỉ vay 03 cây vàng và đã trả được 02 cây vàng, còn nợ lại 01 cây vàng. Số vàng 02 cây còn lại do ông Nguyễn Đình C trực tiếp vay tiêu dùng riêng, hiện nay vợ chồng bà đã sống ly thân, bà không đồng ý trả và yêu cầu ông Nguyễn Đình C phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Đỗ Văn M (chồng bà Lê Thị N) thống nhất lời trình bày của bà Lê Thị N.

- Ông Nguyễn Đình C không có ý kiến gì.

** Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện TN, Hải Phòng đã quyết định:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị K và ông Nguyễn Đình C phải thanh toán trả cho bà Lê Thị N và ông Đỗ Văn M 03 cây vàng 99,99 (vàng Bác Mật) theo giấy nhận nợ ngày 05-6-2010.

- Về lãi suất chậm thi hành án thì tuyên: “*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số vàng còn phải thi hành án theo mức lãi suất gửi tiết kiệm vàng do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số lượng vàng và thời gian chưa thi hành án*”.

** Sau khi xét xử sơ thẩm:* Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có Quyết định kháng nghị số 16/QĐKNPT-VKS-DS ngày 27-10-2017, đề nghị sửa bản án sơ thẩm nêu trên bỏ phần tuyên lãi suất chậm thi hành án với các lý do:

- Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29-4-2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của tổ chức tín dụng, được sửa đổi, bổ sung bởi: Thông tư số 32/2012/TT-NHNN ngày 06-10-

2011, Thông tư số 12/2012/TT-NHNN ngày 27-4-2012 và Thông tư số 24/2012/TT-NHNN ngày 23-8-2012 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước, thì kể từ ngày 01-5-2010 đến nay Ngân hàng Nhà nước đã chấm dứt việc huy động và cho vay vốn bằng vàng. Ngân hàng Nhà nước không có quy định về lãi suất huy động và cho vay vốn bằng vàng, không quy định mức lãi suất gửi tiết kiệm vàng.

- Đối tượng vay mượn là 03 cây vàng Bác Mật, nên cần xác định bên vay phải giao trả cho bên cho vay đúng vật cho vay là vàng.

Bộ luật dân sự 2015 chỉ có quy định lãi suất đối với việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền mà không quy định lãi suất khi chậm thực hiện nghĩa vụ giao vật. Tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả...*”.

Do đó, không có căn cứ buộc bên vay phải chịu khoản tiền lãi khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả vàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa có quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự chưa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình (không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên tòa).

- Về nội dung:

Theo quy định tại Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29-4-2011, Thông tư số 32/2012/TT-NHNN ngày 06-10-2011, Thông tư số 12/2012/TT-NHNN ngày 27-4-2012 và Thông tư số 24/2012/TT-NHNN ngày 23-8-2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thì kể từ ngày 01-5-2011 đến nay Nhà nước đã chấm dứt việc huy động và cho vay vốn bằng vàng. Ngân hàng Nhà nước không có quy định về lãi suất huy động và cho vay vốn bằng vàng, không quy định mức lãi suất gửi tiết kiệm vàng.

Trong vụ án này đối tượng giao dịch vay tài sản là vàng, nên cần xác định bên vay phải trả cho bên cho vay đúng vật cho vay là vàng. Điều 357 của Bộ luật Dân sự không quy định lãi suất khi chậm thực hiện nghĩa vụ giao vật.

Từ phân tích trên, Kháng nghị của Viện Kiểm sát là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Kháng nghị của Viện Kiểm sát, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa Bản án sơ thẩm bỏ đoạn quyết định về lãi suất chậm thi hành án.

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ, quan điểm của Viện Kiểm sát tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Các đương sự trong vụ án đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng cả hai lần các đương sự đều vắng mặt không có lý do. Riêng bà Lê Thị N có đến Tòa án nhưng khi Hội đồng xét xử khai mạc phiên tòa thì vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự bà Lê Thị N, ông Đỗ Văn M, bà Lê Thị K, ông Nguyễn Đình C.

[3] Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát:

Theo Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của tổ chức tín dụng; Thông tư số 32/2012/TT-NHNN ngày 06 tháng 10 năm 2011, Thông tư số 12/2012/TT-NHNN ngày 27 tháng 4 năm 2012 và Thông tư số 24/2012/TT-NHNN ngày 23 tháng 8 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước, thì kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2011 đến nay Ngân hàng Nhà nước đã chấm dứt việc huy động và cho vay vốn bằng vàng. Ngân hàng Nhà nước không có quy định về lãi suất huy động và cho vay vốn bằng vàng, không quy định mức lãi suất gửi tiết kiệm vàng.

Như vậy, cách tuyên lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất gửi tiết kiệm vàng tại Bản án số 93/2017/DS-ST ngày 28-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện TN, Hải Phòng là không đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, Kháng nghị của Viện Kiểm sát cho rằng đối tượng trong vụ án là vàng không phải là tiền nên không phải tuyên lãi suất chậm thi hành án là chưa chính xác. Vì, vàng là vật nhưng là vật đặc biệt, mang giá trị cao và là phương tiện thanh toán, phương tiện duy trì khả năng thanh khoản.

Do vậy, để bảo đảm quyền lợi cho bên được thi hành án, hạn chế việc bên phải thi hành án cố tình dây dưa, không tự nguyện thi hành án thì vẫn phải áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015 (trước đây là khoản 2 Điều 313 Bộ luật dân sự 2005), quyết định rõ trong Bản án về lãi suất chậm thi hành án như sau: *“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015”*.

Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần Kháng nghị của Viện Kiểm sát. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố Tụng dân sự sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TN về cách tuyên lãi suất chậm thi hành án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do vụ án chỉ có kháng nghị nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 313, Điều 471, Điều 474, Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015);

Áp dụng Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2017/DS-ST ngày 28-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lê Thị K và ông Nguyễn Đình C phải thanh toán trả cho bà Lê Thị N và ông Đỗ Văn M 03 (ba) cây vàng 99,99 (vàng Bác Mật) theo giấy nhận nợ ngày 05-6-2010.

2. Về án phí: Bà Lê Thị K và ông Nguyễn Đình C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.295.000 đồng (Năm triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thu Hương

